

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Từ ngày 02/11/2021 đến ngày 02/11/2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TỔNG HOÀNG DANH** Ngày tháng năm sinh: 13/10/1982

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Ninh
Thạnh.

- Cơ quan/đơn vị công tác: Hội đồng nhân dân phường Ninh Thạnh.

- Nơi thường trú: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây
Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072082000650

Ngày cấp: 15/4/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Bùi Thị Anh Đào** Ngày tháng năm sinh: 01/8/1986.

- Nghề nghiệp: **Buôn bán.**

- Nơi làm việc:

- Nơi thường trú: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây
Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072186000433

Ngày cấp: 02/10/2015 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Tổng Thị Huyền Trân** Ngày tháng năm sinh: 11/03/2005.

- Nơi thường trú: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây
Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072305002420

Ngày cấp: 30/6/2020 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai (trở lên): **Kê khai tương tự như con thứ nhất.**

- Họ và tên: **Tổng Quang Huy** Ngày tháng năm sinh: 27/07/2006.

- Nơi thường trú: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Diện tích: 461,00m².

- Giá trị: “Giá trị ước tính” là khoản 3 tỷ Việt Nam đồng. Tại thời điểm năm 2022. Theo giá thị trường sang nhượng trong nhân dân trao đổi, mua bán.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số CD 551932 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22/6/2016. Do Tổng Hoàng Danh đứng tên quyền sở hữu.

- Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

- Địa chỉ: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Diện tích: 240m².

- Giá trị: “Giá trị ước tính” là khoản 2 tỷ Việt Nam đồng. Tại thời điểm năm 2022. Theo giá thị trường sang nhượng trong nhân dân trao đổi, mua bán.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số AO 407384. Do UBND Thị xã TN cấp 08/04/2009. (Tổng Hoàng Danh đứng tên quyền sở hữu).

1.2. Các loại đất khác: không

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:.....không..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

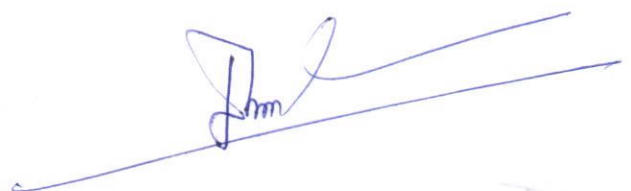
2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Loại nhà: “Nhà ở riêng lẻ”

- Diện tích sử dụng: 106m².



- Giá trị: 350.000.000 đồng. Tại thời điểm năm 2012.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Tổng Hoàng Danh đứng tên.
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác: không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:.....không..... Địa chỉ: .
- Loại công trình:..... Cấp công trình:.
- Diện tích:.....
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: không

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:.....không..... Số lượng:..... Giá trị:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị^(27.10):

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:.....không..... Diện tích:..... Giá trị:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không

- Tên gọi:.....không..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: không

- Tên cổ phiếu:.....không..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: không

- Tên trái phiếu:.....không..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp: không

- Hình thức góp vốn:.....không..... Giá trị:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: không

- Tên giấy tờ có giá:.....không..... Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): không

- Tên tài sản:.....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác: Không.

- Tên tài sản:.....không..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không.

- Tên chủ tài khoản: không có, số tài khoản: không có.

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

+ Tổng thu nhập của người kê khai: 74.400.000 đồng.

+ Tổng thu nhập của vợ: 36.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có

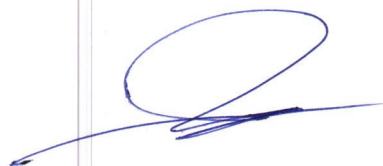
+ Tổng các khoản thu nhập chung: không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này) **“Không có biến động”**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			

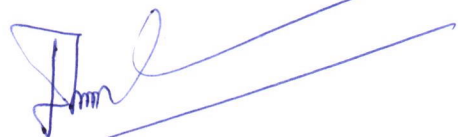
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 11 năm 2022
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Thị Hồng Quế

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 11 năm 2022
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Tống Hồng Sơn